

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K3 NĂM 2014

Tháng 10 năm 2014

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.500*10%)	Thành tiền	Ký nộp
101	8	585	598	13	12.650	164.450	
102	8	651	662	11	12.650	139.150	
103	8	422	440	18	12.650	227.700	
104	8	382	394	12	12.650	151.800	
105	8	409	417	8	12.650	101.200	
106	8	426	431	5	12.650	63.250	
107	PSHC				12.650	0	
108					12.650	0	
109	8	509	523	14	12.650	177.100	
110	8	264	267	3	12.650	37.950	
111	8	378	393	15	12.650	189.750	
112	8	653	662	9	12.650	113.850	
113	8	375	394	19	12.650	240.350	
114	8	337	356	19	12.650	240.350	
201	8	496	514	18	12.650	227.700	
202	8	314	334	20	12.650	253.000	
203	8	962	994	32	12.650	404.800	
204	8	512	526	14	12.650	177.100	
205	8	585	609	24	12.650	303.600	
206	8	527	553	26	12.650	328.900	
207	8	903	924	21	12.650	265.650	
208	8	692			12.650	0	
209	8	798	827	29	12.650	366.850	
210	8	786	816	30	12.650	379.500	
211	8	1031	1058	27	12.650	341.550	
212	8	637	651	14	12.650	177.100	
213	8	673	693	20	12.650	253.000	
214	8	683	702	19	12.650	240.350	
301	8	598	619	21	12.650	265.650	
302	8	598	617	19	12.650	240.350	
303	8	782	805	23	12.650	290.950	
304	8	460	484	24	12.650	303.600	
305	8	519	529	10	12.650	126.500	
306	8	667	691	24	12.650	303.600	
307	PSHC				12.650	0	
308					12.650	0	
309	8	546	565	19	12.650	240.350	
310	8	550	572	22	12.650	278.300	

311	8	513	526	13	12.650	164.450
312	8	500	518	18	12.650	227.700
313	8	521	546	25	12.650	316.250
314	8	680	701	21	12.650	265.650
401	8	597	614	17	12.650	215.050
402	8	492	512	20	12.650	253.000
403	8	654	680	26	12.650	328.900
404	8	470	489	19	12.650	240.350
405	8	377	386	9	12.650	113.850
406	8	378	393	15	12.650	189.750
407	8	469	489	20	12.650	253.000
408	8	523	538	15	12.650	189.750
409	8	347	355	8	12.650	101.200
410	8	427	440	13	12.650	164.450
411	8	378	386	8	12.650	101.200
412	8	339	350	11	12.650	139.150
413	8	445	463	18	12.650	227.700
414	8	319	331	12	12.650	151.800
501	8	404	416	12	12.650	151.800
502	8	266	278	12	12.650	151.800
503	8	274	284	10	12.650	126.500
504	8	343	352	9	12.650	113.850
505	8	293	307	14	12.650	177.100
506	8	309	323	14	12.650	177.100
507	8	194	205	11	12.650	139.150
508	8	170	179	9	12.650	113.850
509	8	321	338	17	12.650	215.050
510	8	214	222	8	12.650	101.200
511	8	173	182	9	12.650	113.850
512	8	320	330	10	12.650	126.500
513	8	230	233	3	12.650	37.950
514	8	354	363	9	12.650	113.850
Cộng	528			1.037		13.118.050

(Bằng chữ: Mười ba triệu một trăm mười tám nghìn không trăm năm mươi đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
TỔ KÝ TÚC XÁ

NGƯỜI ĐỌC SỐ

NGƯỜI LẬP



ThS. Ngô Xuân Hoà

Dương Văn Thanh

Trần Thị Hà